

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28/4/2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bàn Hữu Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lữ Văn Hà

- Ông Nguyễn Trọng Quân

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Bàn Thị Kiều – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** không.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1994, Nơi cư trú: Bản NNg, xã SĐ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*Bị đơn:* Anh Cao Văn K, sinh năm 1988, Nơi cư trú: Bản X, xã TH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị Sang trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn K qua tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc đến năm 2016 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong công việc, trong sinh hoạt và nhiều vấn đề khác nên anh K bỏ về nhà cậu mợ sống ở Bản X, xã TH. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn gặp nhau, quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn K.

Về con chung: Chị S và anh K có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 02/3/2015. Chị S đề nghị được nuôi cháu T và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: chị S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Đối với bị đơn Cao Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh K. Anh K đã khai tại bản tự khai ngày 01/02/2021 như sau: anh và chị S tự nguyện cưới xin theo tục lệ địa phương và đăng ký kết hôn ngày 20/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp hay cãi nhau, rồi cô S đuổi tôi đi khỏi nhà. Sau đó anh K về nhà nội ở xã TH sinh sống kể từ đó đến nay hai anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay chị S có đơn đề nghị ly hôn anh K, anh K thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 02/3/2015. Anh K đồng ý để chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã ban hành văn bản thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K cố tình vắng mặt không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh K (qua người thân là mợ anh K) nhưng phiên tòa ngày 14/4/2021 anh K vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại phiên tòa hôm nay, Anh K vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh K.

Tại biên bản xác minh ngày 19/3/2021, Ông Vi Văn A – Trưởng bản Bản X, xã TH cho biết: chị S và anh K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ. Sau khi kết hôn, chị S và anh K sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không biết cụ thể, chỉ thấy anh K về sinh sống ở bản X, xã TH cùng vợ chồng đã sống ly thân nhau được 5 năm nay. Chị S và anh K có 01 con chung là Phạm Thanh T. Hiện cháu T đang ở với chị S. Chị S và anh K không thấy có tài sản gì chung.

Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2021, Ông Lương Văn T – Trưởng bản Bản NNg xã SĐ cho biết: chị S và anh K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ. Sau khi kết hôn, chị S và anh K sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không biết cụ thể, chỉ thấy chị S và anh K đã sống ly thân nhau được 5 năm nay không thấy đi lại, không quan tâm nhau. Anh K về sống ở bản X, xã TH. Chị S và anh K có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 02/3/2015. Hiện cháu T đang ở với chị S. Chị S và anh K không thấy có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị S giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Phạm Thị S khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn K, cư trú tại: Bản X, xã TH, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Cao Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh K không đến Tòa án làm việc; Ngày 14/4/2021, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Cao Văn K tự nguyện kết hôn ngày 20/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cuộc hôn nhân giữa chị S và anh K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thừa nhận.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị S là hoàn toàn chính đáng bởi sau kết hôn chị S và anh K hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong công việc, trong sinh hoạt. Chị S và anh K đã sống ly thân nhau 05 năm nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay chị S đề nghị xin được ly hôn với anh K là có căn cứ chấp thuận vì thời gian vợ chồng ly thân nhau đã lâu, hơn nữa anh K đến Tòa án trình bày ý kiến đồng ý ly hôn chị S nhưng không đến tham gia phiên hòa giải, không có thiện chí đoàn tụ để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị S và anh Cao Văn K có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 02/3/2015. Hiện cháu T đang ở với chị S. Chị S và anh K đều có đề nghị là Chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, giao cháu Phạm Thanh T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Trước mắt, chị S không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của chị S nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: chị Phạm Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

\* *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S. Cho chị Phạm Thị S ly hôn anh Cao Văn K được chấm dứt quan hệ vợ chồng.

\* Về con chung: Quá trình hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thanh T. Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 02/3/2015 cho chị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị S không được cản trở.

\* Về án phí: chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002862 ngày

25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Phạm Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

\* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị S được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã SĐ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Bàn Hữu Văn**